

CHƯƠNG 1

TỪ HUẾ, TÔN THẤT THUYẾT RA BẮC



ấm sét đùng đùng rạch nát vòm trời. Trời ngả về chiều. Từ phía chân mây cuối trời, mây đen ùn ùn kéo đến. Mưa trút xuống như thác đổ, dường như sắp có lụt lớn. Tưởng như thác lũ xé toạc mây đen mà trút nước xuống cõi trần.

Ngồi trong cung, thấy vua Tự Đức đi săn chưa về kịp, bà Từ Dụ rất lo lắng. Bà sai quan đại thần Nguyễn Tri Phương đi rước. Mãi đến lúc trời sập tối thì họ mới về đến cung.

Vua Tự Đức vội vã đi thẳng vào cung Diên Thọ để chịu lỗi với mẹ. Đang giận con, bà ngồi quay mặt vào màn, không nói một lời. Vua Tự Đức biết mẹ đang giận nên tự lấy cây roi mây đặt trên tràng kỉ, rồi nằm dài xuống xin chịu đòn. Giây lát sau, bà quay mặt ra, bảo con ngồi dậy rồi nghiêm khắc:

– Mẹ đã nói với con, con vật cũng như con người, bắn chết con trống thì con mái lẽ bạn thương xót không nguôi; bắn con con thì con mẹ buồn thảm, đau khổ. Vậy thì săn bắn để làm gì? Muốn tập bắn thì nên bắn bia chằng hay hơn sao? Từ rày về sau, con không nên sát sinh thú vật nữa.

Vua Tự Đức cúi đầu:

– Con đã biết lỗi. Từ nay con không dám như vậy nữa!

Vẫn chưa nguôi giận, bà nói:

– Biết lỗi với ta có ích gì, phải biết lỗi với dân thì mới sửa mình được. Nước đang có nhiều việc rối, hoàng đế đã không lo lắng mà còn vui chơi được sao?

Vua Tự Đức lặng lẽ lui gót với tâm hồn nặng trĩu...

Đêm tối. Vòm trời đen kịt. Không một ngôi sao nào lấp lóe. Ngồi trước án thư, vua Tự Đức ngẫm nghĩ đến lời dạy của mẹ. Ngài thả hồn theo những vần thơ mượn mà bắt chợt đến trong tâm tưởng. Cây bút lông chạy dài trên trang giấy lụa bạch, thảo những dòng chữ mềm mại... Đến lúc sắp viết một chữ ưng ý nhất sau nhiều ngày lao tâm khổ tứ suy nghĩ, nhà vua nắm chặt tay quyết định lướt một vệt dài trong sự đắc ý nhất, bỗng ngòi bút lông khô mực... Sự đột ngột đáng tiếc ấy khiến ngài bực bội. Đêm vẫn rối. Thơ à? Có thể làm cho Đê đốc trung tướng Charner⁽¹⁾ động lòng mà trả lại ba tỉnh

(1) Léonard Victor Joseph Charner (1797-1869): Đô đốc Hải quân Pháp, Tổng tư lệnh quân Pháp tham gia Chiến tranh Nha phiến lần hai và là Tổng tư lệnh liên quân viễn chinh Pháp - Tây Ban Nha xâm lược Nam Kỳ, Việt Nam. (BT)

miền tây Nam Kỳ không? Chắc chắn là không. Dẫu biết thế, nhưng nhà vua không thể không làm thơ. Chỉ có thơ mới có thể giúp ngài trút đi những nỗi phiền muộn, nhất là những lúc nhớ đến mẹ. Ngay sau khi nghe tin Gò Công mất vào tay giặc Pháp thì mẹ của ngài – bà Từ Dụ, đã bỏ ăn và đêm ngày nằm khóc.

Từ thuở nhỏ nghe mẹ kể nhiều về vùng đất này cho đến nay ngài vẫn còn nhớ như in trong óc. Lúc ông ngoại thượng thư bộ Lễ Phạm Đăng Hưng sinh ra mẹ đặt tên là Phạm Thị Hằng thì vùng đất thuộc Giồng Quy Sơn ngày càng nổi cao lên như mu rùa và giếng nước đang đục ngầu bỗng trở nên trong vắt một cách dị thường. Ấy là điềm lành báo trước sau này mẹ của ngài sẽ là bậc “mẫu nghi thiên hạ” chăng? Một hôm, bà cố nội là Cao hoàng hậu Trần Thị Đang – vợ Thế tổ Cao hoàng đế Gia Long, cho gọi ông ngoại của ngài vào chầu và nói:

– Ta nghe tiếng đồn tốt lành về con gái của khanh. Ta cho phép khanh dẫn vào cung cho ta xem mặt.

Nhờ ân sủng này, mẹ của ngài được vào cung. Năm đó, bà mới mười bốn xuân nhưng phong thái nghiêm nghị, đi đứng chững chạc như một người đã trưởng thành. Tại đây, bà có nhiệm vụ hầu Nguyễn Phước Miên Tông, lớn hơn bà ba tuổi, là con trai trưởng của vua Minh Mạng. Năm tháng trôi qua, bà may mắn được chọn là người “nâng khăn sửa túi” cho Miên Tông – người kế vị vua cha, lấy niên hiệu là Thiệu Trị.

Chung sống với nhau, dù đã sinh được hai công chúa Duyên Phúc và Uyên Ý, nhưng bà vẫn canh cánh

một điều là chưa sinh được con trai. May mắn sao, nhờ ơn mưa móc của chồng, năm 1829, bà sinh thêm con trai Hồng Nhậm mà nay đã nối ngôi vua cha Thiệu Trị, lấy niên hiệu Tự Đức. Đơn giản chỉ có thế, nhưng các nhà chép sử nhà Nguyễn vẫn cho rằng, trước lúc sinh bà nằm mộng thấy một thần nhân áo rộng đai to, tóc bạc, lông mày trắng đem đến một tờ giấy vàng viết chữ son có đóng dấu và một chuỗi minh châu trao cho, bảo: “Xem đây để nghiệm về sau.” Bà nhận lấy rồi sau có thai, sinh ra Hồng Nhậm.

Thật ra, lúc sinh con trai thì bà thấy cơ thể của mình mệt mỏi hơn hai lần “vượt cạn” trước. Nhìn đứa con đỏ hồng trong tay, bà thoáng âu lo vì trông con yếu ớt quá! Đã thế, lúc gần hai mươi tuổi nó lại bị bệnh đậu mùa rất nguy kịch, tưởng không qua nổi! Nhưng được một điều đó là đứa con có hiếu, răm rắp vâng lời chỉ vì sợ mẹ buồn lòng...

Vua Tự Đức đang ngồi tư lự suy nghĩ về những năm tháng đã qua. Ngọn đèn bùng sáng.

Nghe tiếng chân bước phía sau, ngài giật mình quay lại thì thấy mẹ. Chao ôi! Gương mặt ấy tiêu tụy biết chừng nào! Nhà vua thấy tim mình đau nhói. Sống trên đời mang tội bất hiếu với mẹ thì sao có thể ngừng mặt nhìn thiên hạ?

Ngay lúc mới sinh, thể chất yếu ớt của ngài tưởng chừng không thể sống nổi! Năm 14 tuổi, ngài đã lập với cô Võ Thị Duyên – con gái của thượng quan Võ Xuân Cẩn

nhưng lại không có con. Sau đó, ngài còn lấy thêm rất nhiều vợ nữa, nhưng đến nay vẫn không có người nối dõi tông đường, cho dù đã chạy chữa bằng mọi giá, cầu tự ở khắp nơi. Đau đầu vì tội bất hiếu này, ngài thường tư lự, buồn phiền... Đã thế, nay là người nắm quyền lực cao nhất nước lại để đất phát tích của dòng họ bên mẹ mất vào tay giặc. Quay lại nhìn mẹ, không tìm được xúc động, nhà vua òa lên khóc như trẻ thơ.

Dù con trai đang ở ngôi vua, nhưng bà Từ Dụ vẫn không cho đó là điều may. Xưa nay, các bậc hiền giả vẫn nói trong may có họa, quả không sai. Chồng của bà có rất nhiều vợ, trong đó 31 bà có con, sinh được 29 con trai và 35 con gái. Do con trai của bà thông minh và ham học nên được vua cha Thiệu Trị ưu ái, yêu thương hơn những đứa khác. Từ năm 1847, lúc mới 19 tuổi, Hồng Nhậm lên ngôi đã khiến Hồng Bảo – con trai trưởng của Thiệu Trị với quý tần Đinh Thị Hạnh ganh tị, ghen ghét. Hồng Bảo nghĩ mình đương nhiên phải được quyền kế vị nên tìm mọi cách để giành lại ngôi báu. Bảo họp bọn đồng mưu lại, sau khi uống máu ăn thề, cử bọn thuộc hạ trốn ra nước ngoài tìm đồng minh.

Thời gian sau, bọn thuộc hạ từ Thái Lan và Campuchia trở về, chúng kéo theo một lũ lâu la. Do trên đường đi không được tiếp đãi nồng hậu nên đến nước Nam, lũ đâm thuê chém mướn này bắt măn tố cáo mọi chuyện với quan. Lập tức, tất cả đều bị bắt. Chúng bị gông cổ lại, tống vào trong cũi như những con thú dữ đưa về kinh. Bị tra tấn tàn nhẫn, những người này khai

ra là còn có một chuyến tàu nước ngoài sắp đến để ủng hộ cuộc đảo chánh của Bảo.

Thật vậy, vào đầu tháng Ba, một chiếc tàu được trang bị đầy đủ súng ống, không rõ thuộc quốc tịch nào, đến đậu ở bến cảng đối diện kinh đô. Nhưng chúng không thấy có ai ra bắt liên lạc nên vội vã giơ buồm ra khơi. Âm mưu bại lộ. Bảo bị xử án lăng trì, nhưng vua Tự Đức nghĩ đến tình máu mủ nên tha tội, chỉ tống giam vào ngục và ép uống thuốc độc chết. Các con của Bảo phải đổi ra họ của mẹ là họ Đinh.

Chuyện cũ đã qua, nhưng mỗi lúc nghĩ đến bà còn thoáng rung mình...

Đêm vẫn tối đen.

Tình hình trong nước đang rối ren như thế này, có lẽ con trai bà không thể đảm đương nổi công việc. Mà số phận con người nhiều khi lại gắn chặt với cái tên do cha mẹ đặt. Bà nhớ, lúc con mình mới lên mười, chồng bà một hôm vui vẻ hỏi đùa con:

– Thế con có biết tên của con, ta đặt Hồng Nhậm nghĩa là sao không?

Không ngờ con trai bà đáp:

– Thưa, Hồng là nặng nề, to lớn. Nhậm là gánh vác.

Chồng bà cười lớn:

– Gánh gì mà nặng? Gánh củi à?

Nghĩ lại chuyện cũ, bà Từ Dụ ứa nước mắt, thở dài:

– Gánh việc nước mà không có người góp sức thì làm sao nên việc? Hòa ước Nhâm Tuất⁽¹⁾ có quá nhiều điều bất lợi cho ta. Chỉ riêng khoản 2 là nước Nam ta phải nhường đất cho họ ba tỉnh Biên Hòa, Định Tường, Gia Định và không được đem binh khí, súng đạn đi qua ba tỉnh này là điều rất vô lí. Hạ thần Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã thương lượng kiểu gì mà ta còn phải bồi thường đến bốn triệu nguyên chiến phí cho chúng?

Lắng nghe lời mẹ, nhà vua ngậm tằm, cảm như hến. Từ trước đến nay, không bao giờ ngài dám cãi lại lời mẹ. Vẫn chưa nguôi giận, bà hỏi tiếp:

– Thế chuyện giặc già ở xứ Bắc Kỳ đã giải quyết đến đâu rồi?

Chẳng đến đâu cả. Giặc nổi hết như rươi. Hết giặc Tam Đường ở Thái Nguyên, giặc châu chấu ở Sơn Tây... thì đến giặc Tạ Văn Phụng – mạo danh con cháu nhà Lê để lôi kéo quần chúng, lại cả gan theo giáo sĩ ra nước ngoài học đạo rồi trở về đánh phá ở Quảng Yên; loạn này chưa dẹp xong thì cai tổng Vàng dấy binh ở Bắc Ninh đã khiến nhà vua lo lắng đến bạc đầu. Vừa lo chống đỡ giặc ở Nam Kỳ, dẹp loạn ở Bắc Kỳ thì ngài không ngờ tại kinh thành Huế, anh em Đoàn Trưng phò Đinh Đạo – con trai của Hồng Bảo lấy cớ xây Khiêm lăng quá tốn kém, nhân dân cực khổ nên đã khởi binh khiến ngài phải

(1) Theo Hòa ước Nhâm Tuất (1862), triều đình Huế phải nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và Côn Đảo, bồi thường chiến phí 4 triệu franc Pháp, tương đương 2.880.000 lạng bạc. (BT)

sợ hãi đến xanh máu mặt! Nếu chuông vệ Hồ Oai không kịp đóng cửa điện lại, có lẽ bây giờ ngài đã nằm sâu dưới ba thước đất!

Bà Từ Dụ nhìn thẳng vào mặt con trai:

– Nhưng bây giờ đáng sợ nhất vẫn là bọn giặc khách đang quấy nhiễu khắp nơi. Dân đen sống làm sao nổi?

Điều này nhà vua cũng đã nghĩ đến biện pháp đối phó.

Năm 1868, sau khi Hồng Tú Toàn cầm đầu Thái Bình Thiên Quốc⁽¹⁾ bị nhà Thanh bắt giết thì dư đảng là bọn Ngô Côn kéo tàn quân chạy tràn sang, chiếm giữ tỉnh thành Cao Bằng, khống chế một cõi! Trước tình thế nghiêm trọng này, ngài đã phái võ tướng Ông Ích Khiêm – người Quảng Nam lên đánh. Những trận đánh dữ dội bất phân thắng bại đã diễn ra suốt nhiều ngày. Cuối cùng, danh tướng họ Ông đã lập kế tài tình giết Ngô Côn. Những tướng như thế đã yên, nào ngờ đồ đảng của Cờ vàng Hoàng Sùng Anh, Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc, Cờ trắng Bàn Văn Nhị, Lương Văn Lợi vẫn tiếp tục làm loạn ở các vùng biên giới Bắc Kỳ.

Nhìn mẹ trầm ngâm như thế, vua Tự Đức cúi đầu:

– Thưa, con sẽ phái Thống đốc quân vụ Hoàng Kế Viêm cùng với Tán tướng Tôn Thất Thuyết chịu trách nhiệm giải quyết dứt điểm tai họa này.

(1) Thái Bình Thiên Quốc được hình thành từ cuộc nổi dậy của nông dân do Hồng Tú Toàn cầm đầu vào giữa thế kỉ XIX. (BT)

Bà Từ Dụ ngạc nhiên:

– Có cả Thuyết nữa à?

– Dạ!

Dường như chưa yên tâm với kế hoạch mà con mình và các đại quan trong triều đã bàn luận, bà lại hỏi:

– Thế con nghĩ gì về Thuyết?

Nhà vua chậm rãi:

– Đó là một người ít học, tính tình nóng nảy lại hay nói càn.

Bà mẹ ngắt lời:

– Có phải con còn muốn nói đó là người kiêu căng, hẹp hòi, hay ngờ vực kẻ khác?

Nhà vua nhú mào:

– Dạ, con cũng từng nghĩ thế.

Bà Từ Dụ hỏi gặng:

– Tại sao con lại nghĩ thế?

Nhà vua nói khẽ:

– Con từng nghe nhiều người kể về chuyện Thuyết đã nhiều lần thẳng tay trừng trị kẻ trái ý!

Có thật không? Bà Từ Dụ không tin như thế, dù chuyện đồn đại về Thuyết bà cũng đã từng nghe kể lại. Nhưng biết đâu người ta thêu dệt thêm nhiều tình tiết cho tăng phần li kì? Chuyện kể rằng, một hôm Tôn Thất Thuyết đi ra phố chơi, chợt thấy một đứa trẻ ranh

gân cổ lên chửi mẹ của nó. Ông giận lắm, nhưng không nói gì. Ông chỉ lẳng lặng đi theo thằng bé này về nhà, lúc nó ngồi vào mâm ăn cơm ông quan sát thấy nó biết so đo, có nghĩa là đã khôn ngoan chứ không còn nhỏ dại gì. Thế mà dám chửi mẹ thì quả là con bất hiếu! Suy nghĩ như thế, ông sai lính mang thằng bé ra chém, mẹ nó phải van xin ông tha mạng cho con! Lại có chuyện, một hôm ông Thuyết đang ngồi uống rượu tại tư dinh, trong cơn say ngất ngưỡng, ông nhìn ra ngõ thấy một kẻ nghênh ngang phóng ngựa qua như chốn không người. Ông giận lắm, sai lính ra đuổi bắt, trói quặt tay kẻ hỗn xược này lại. Ông bảo:

– Đi ngay nhà của ta mà không xuống ngựa ư?

Kẻ này cứng cỏi:

– Xưa nay tôi chỉ từng nghe đi ngang qua Văn Miếu hoặc những nơi tôn nghiêm thì mới nghiêng vồng hạ mã thôi chứ!

Ông tức giận:

– Láo! Người đã nói thế thì không còn coi ta ra gì nữa!

Nói xong, ông sai lính chém.

Vừa nghe con kể xong, bà Từ Dụ xua tay:

– Ta không tin Thuyết là người như thế. Chuyện này, trước kia khi còn nhỏ, ta từng nghe nói ở phương nam Tả quân Lê Văn Duyệt cũng đã có những hành động như thế! Ôi, miệng lưỡi người đời biết đâu mà lường!